Số: 4229424

	THACO Linker T2-5.0 - Thùng mui bạt - Tôn kẽm	THACO Linker T2-5.0 - Thùng mui bạt - Tôn đen
Giá niêm yết:	**420.300.000đ**	**422.000.000đ**
KÍCH THƯỚC:		
Kích thước tổng thể(DxRxC)	5.545 x 2.050 x 2.910 mm	5.545 x 2.050 x 2.910 mm
Kích thước lọt lòng thùng(DxRxC)	3.620 x 1.900 x 685/1.900 mm (13,07 m^3)	3.620 x 1.900 x 685/1.900 mm (13,07 m^3)
Chiều dài cơ sở	2.800 mm	2.800 mm
Vết bánh xe trước/sau	1.490/ 1.535 mm	1.490/ 1.535 mm
KHỐI LƯỢNG:		
Khối lượng bản thân	2.765 kg	2.765 kg
Khối lượng chở cho phép	1.990 kg	1.990 kg
Khối lượng toàn bộ	4.950 kg	4.950 kg
Số chỗ ngồi	3 chỗ	3 chỗ
ĐỘNG CƠ:		
Tên động cơ	WEICHAI - WP2.3Q110E50	WEICHAI - WP2.3Q110E50
Loại động cơ	Diesel, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điện tử (ECU)	Diesel, 4 xy lanh thẳng hàng, tăng áp, phun nhiên liệu điện tử (ECU)
Dung tích xi lanh	2.289 cc	2.289 cc
Công suất cực đại/ tốc độ quay	110/ 3.000 Ps/(vòng/phút)	110/ 3.000 Ps/(vòng/phút)
Mô men xoắn/ tốc độ quay	280/ 1.600 ~ 2.400 N.m/(vòng/phút)	280/ 1.600 ~ 2.400 N.m/(vòng/phút)
TRUYỀN ĐỘNG:		
Ly hợp	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không	Đĩa ma sát đơn, điều khiển thủy lực, trợ lực chân không
Hộp số	Cơ khí, 5 số tiến và 1 số lùi	Cơ khí, 5 số tiến và 1 số lùi
Tỷ số truyền	ih1=5,595; ih2=2,848; ih3=1,538; ih4=1,000; ih5=0,794; iR=5,347	ih1=5,595; ih2=2,848; ih3=1,538; ih4=1,000; ih5=0,794; iR=5,347
HỆ THỐNG PHANH:		
Hệ thống phanh	Tang trống, Thủy lực, 2 dòng, trợ lực chân không, có ABS	Tang trống, Thủy lực, 2 dòng, trợ lực chân không, có ABS
HỆ THỐNG TREO:		
Trước	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực
Sau	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực	Phụ thuộc, nhíp lá, giảm chấn thuỷ lực
LỐP XE:		
Trước/Sau	6.50R16	6.50R16
ĐẶC TÍNH:		
Khả năng leo dốc	33,2 %	33,2 %
Bán kính quay vòng nhỏ nhất	5,94 m	5,94 m
Tốc độ tối đa	96 km/h	96 km/h
Dung tích thùng nhiên liệu	80 lít	80 lít
HỆ THỐNG LÁI:		
Hệ thống lái	Trục vít – Êcu bi, trợ lực thủy lực	Trục vít – Êcu bi, trợ lực thủy lực